TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 217/2023/DS-PT
Ngày 18 – 7– 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Bà Đinh Cẩm Đào

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Từ Thanh Thuỳ – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc: tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 110/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Chí H, sinh năm: 1962 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1967 (có mặt);

2. Ông Huỳnh Việt N, sinh năm: 1961 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp của ông N, bà T1: Ông Nguyễn Hữu Ng, sinh năm 1964; Địa chỉ cư trú: Khóm 2, phường 1, thành phố Cà Mau (theo Văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 6 năm 2023) (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1971, cư trú tại ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C (có mặt).

2. Ông Nguyễn Chí D2, sinh năm 1971, cư trú tại ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông D2, bà D1: Ông Nguyễn Hữu Ng, sinh năm 1964; Địa chỉ cư trú: Khóm 2, phường 1, thành phố Cà Mau (theo Văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 6 năm 2023) (có mặt).

3. Bà Lâm Thị T2, sinh năm 1966 (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Triệu V, sinh năm 1989 (vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Phương T3, sinh năm 1991(có mặt).

6. Anh Nguyễn Chánh T4, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo*: Ông Huỳnh Việt N, bà Nguyễn Thị Th là bị đơn; ông Nguyễn Chí D2, bà Nguyễn Thị D1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Nguyễn Chí H trình bày:

Năm 1999, ông được nhà nước giao 5,4 ha đất tại ấp 1 xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Năm 2005, ông cho lại bà Nguyễn Thị D1 (bà D1 là em dâu ông) 22.000m^2, tại thửa số 656, tờ bản đồ số 02. Bà D1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không trực tiếp sử dụng mà có ông thuê khoảng 10 năm. Năm 2022, bà Nguyễn Thị D1 chuyển nhượng toàn bộ phần đất trên cho ông Huỳnh Việt N và bà Nguyễn Thị Th. Tuy nhiên, ông N và bà Th không sử dụng đúng phần đất của mình đã nhận chuyển nhượng mà sử dụng phần đất của ông tại thửa số 246, tờ bản đồ 02 và lấn sang phần đất của ông 3.000m^2 đất vườn. Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết, buộc ông N và bà Th trả lại đất tranh chấp cho ông là 28.038m^2, trong đó có 3.000m^2 đất vườn tại thửa 246.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Th, ông Huỳnh Việt N trình bày:

Năm 2021, ông N, bà T1 nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Chí D2 và bà Nguyễn Thị D1 diện tích đất 22.144m^2 với giá 29 lượng vàng 24k, thủ tục chuyển nhượng bằng giấy tay, bà T1, ông N đã thanh toán được 28 lượng vàng 24k và nhận đất sử dụng. Nay, ông N và bà T1 không đồng ý theo yêu cầu của ông Nguyễn Chí H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Chí D2 và bà Nguyễn Thị D1 trình bày: Phần đất trên có nguồn gốc do cha mẹ cho vợ chồng ông D2 và bà D1, sử dụng ổn định không tranh chấp. Ông D2 và bà D1 đã chuyển nhượng phần đất trên cho ông N và bà Th, thủ tục chỉ làm giấy tay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do ông N và bà Th quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Phương T3, ông Nguyễn Chánh T4, bà Nguyễn Triệu V và bà Lâm Thị T2 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Chí H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí H, buộc ông Huỳnh Việt

N và bà Nguyễn Thị T1 trả cho ông Nguyễn Chí H phần đất tranh chấp gồm diện tích thửa số 4 và một phần diện tích thửa số 5 cụ thể như sau:

Thửa số 4: Diện tích 24.872,9m^2, có vị trí tứ cận kèm theo.

Một phần diện tích của thửa số 5: Diện tích 374,2m^2, có vị trí tứ cận kèm theo. (Kèm theo Bản trích đo hiện trạng ngày 06/03/2023 của Công ty TNHH Phát triển xanh Việt Nam).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí, và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06/4/2023, ông Huỳnh Việt N, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Chí D2, bà Nguyễn Thị D1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí H. Buộc ông Huỳnh Việt N và bà Nguyễn Thị T1 trả cho ông Nguyễn Chí H phần đất tranh chấp gồm phần đất thửa số 4, diện tích 24.872,9m^2 và một phần đất thửa số 5, diện tích 374,2m^2.

Ngày 26/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau có Quyết định kháng nghị số: 02/QĐKNPT-VKS-DS: Kháng nghị phúc thẩm bản án dân sự sơ thẩm số 86/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Việt N, bà Nguyễn Thị Thuỳ, ông Nguyễn Chí D2 và bà Nguyễn Thị D1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định kháng nghị.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Ông Nguyễn Hữu Ng tranh luận: Bà Quang, ông Tiến trình bày thống nhất, phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Tiến chuyển nhượng lại cho bà Quang. Những người thuê đất của ông D2, bà D1 đều xác nhận canh tác trên phần đất tranh chấp. Ông Thiết xác nhận có chứng kiến việc chuyển nhượng đất giữa ông D2, bà D1 với ông N, bà T1 là chuyển nhượng phần đất tranh chấp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí H.

Ông Nguyễn Chí H tranh luận: Yêu cầu Tòa án giải quyết theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Phương T3 tranh luận: Ông thống nhất với trình bày của ông H

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Việt N, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chí D2, bà Nguyễn Thị D1 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau. Sửa bản án sơ thẩm số 86/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Huỳnh Việt N, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chí D2, bà Nguyễn Thị D1, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả phần đất (M4M9M10M2) diện tích 25.247,1 m^2, thuộc thửa 235, 246, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp 1, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau do ông Nguyễn Chí H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2] Ông D2 và bà D1 trình bày phần đất tranh chấp là phần đất ông D2 , bà D1 được cha mẹ cho, khi ông D2, bà D1 được cha, mẹ cho đất chỉ sản xuất 01 năm rồi cho nhiều người thuê, trong đó ông H là người thuê sau cùng.Ông H cho rằng ông H thuê phần đất của bà D1 tại thửa 656, tờ bản đồ số 2; còn phần đất tranh chấp thuộc thửa 235, 246, tờ bản đồ số 2 thì ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông H quản lý, sử dụng từ trước đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 01 tháng 01 năm 1994, Lâm ngư trường Trần Văn Thời có quyết định số 456/QĐ-LNT về việc giao cho ông H phần đất diện tích 7,95 ha (BL 91). Từ Quyết định trên, Lâm Ngư Trường Trần Văn Thời đã bàn giao đất cho ông H diện tích 5,4 ha tại Biên bản bàn giao hiện trạng đất lâm nghiệp ngày 15 tháng 3 năm 1999 (BL 20). Năm 2005, ông H và bà D1 tranh chấp đất phần đất diện tích 2,7 ha thuộc phần đất 5,4 ha mà ông H được Lâm Ngư Trường Trần Văn Thời giao trên. Tại Biên bản hòa giải ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (BL 88) thể hiện: Năm 1993, ông Nguyễn Văn Minh là cha của ông H có chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Tiến (tên gọi khác: Nguyễn Phương Tiến) phần đất để cho bà D1 nhưng vì ông D2, bà D1 không có điều kiện ở trên đất để giữ rừng nên mượn ông H đứng tên trong quyết định giao đất và giữ rừng. Ông H thống nhất trả cho bà D1 diện tích đất 2,7 ha và cho bà D1 tự đứng tên sử dụng đất. Phần tràm mà ông H giữ trước đây khi khai thác thì anh H hưởng hết. Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay thì bà D1 không trực tiếp canh tác đất mà cho người khác thuê, cố, trong đó ông H là người thuê cuối cùng khoảng 10 năm. Như vậy, ông D2 và bà D1 không trực tiếp quản lý, sử dụng đất của mình mà cho người khác thuê. Hơn nữa, từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006 đến nay, ông D2, bà D1 không có tranh chấp với ông H về vị trí đất, cũng không có khiếu nại với cơ quan có thẩm quyền về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Xét nguồn gốc đất, ông Nguyễn Phương Tiến xác nhận, ông Tiến chuyển nhượng đất cho bà Quang chứ không phải cho ông H và phần đất ông Tiến đã chuyển nhượng cho bà Quang hiện nay là phần đất tranh chấp giữa ông H với ông D2 (BL 233, 234). Bà Quang cũng xác định bà Quang chuyển nhượng đất của ông Tiến để cho lại ông D2 và bà D1. Phần đất tranh chấp là phần đất bà Quang nhận chuyển nhượng từ ông Tiến cho ông D2, bà D1 (BL 225, 226). Ông Lê Văn Mọng trình bày, ông Mọng thuê phần đất nằm giữa đất ông Khởi và ông H (BL 230, 231). Tuy nhiên, những người trên không cung cấp được văn bản chứng minh việc chuyển nhượng đất, thuê đất diện tích bao nhiêu, có vị trí tứ cận như thế nào. Ông H không thừa nhận những trình bày trên. Do đó, không thể xét nguồn gốc để làm

căn cứ giải quyết vụ án.

[4] Xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và bà D1: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D2, bà D1 căn cứ Quyết định số 456/QĐ-LNT ngày 01 tháng 01 năm 1994 của Lâm Ngư Trường Trần Văn Thời về việc giao cho ông H phần đất diện tích 7,95 ha, Biên bản hòa giải ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc, Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà D1 và ông H. Như vậy, sau khi ông H chấp nhận tách một phần đất cho bà D1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các đương sự đã tiến hành kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà D1 đăng ký, kê khai các thửa đất số 656, 657, tờ bản đồ số 2 và bà D1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 656, tờ bản đồ số 2 vào năm 2006. Ông H đăng ký kê khai thửa 235, 246, tờ bản đồ số 2 và ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 246, tờ bản đồ số 2 vào năm 2006 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 235 năm 2013. Do đó, ông H, bà D1 đã tự nguyện kê khai đăng ký phần đất của mình và được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng với ý chí của các đương sự. Hiện nay, các đương sự đang tranh chấp quyền sử dụng phần đất thửa 246, 235, tờ bản đồ số 02 do ông Nguyễn Chí H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Ông D2, bà D1, ông N, bà T1 cũng như ông Lê Văn Thiết cho rằng ông D2, bà D1 chuyển nhượng đất cho ông N, bà T1 ngày 19 tháng 12 năm 2921, có chỉ ranh và có sự chứng kiến của ông Lê Văn Thiết (BL 227, 228). Những trình bày trên là không phù hợp. Bởi lẽ, tại Biên bản làm việc ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc đối với bà Nguyễn Thị T1 (BL 14), bà T1 trình bày: Bà mua đất của bà D1 vào ngày 29 tháng 02 năm 2022 âm lịch. Phần đất mua có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời (BL 40, 41) thể hiện: Bà D1 trình bày, bà D1 có phần đất diện tích 22.144 m^2 thuộc thửa 656, tờ bản đồ số 02. Khoảng tháng 02 năm 2022, bà D1 chuyển nhượng cho ông N, bà T1 toàn bộ đất này. Bà T1 trình bày, bà T1 nhận chuyển nhượng của bà D1 phần đất diện tích 22.144 m^2, thuộc thửa 656, tờ bản đồ số 02. Như vậy, đến khi hòa giải tại Tòa án, bà D1, bà T1 vẫn trình bày phần đất chuyển nhượng là thửa 656, tờ bản đồ số 2 và thời gian chuyển nhượng là tháng 2 năm 2022. Đến ngày 17 tháng 5 năm 2022, thì Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc đã có biên bản làm việc với ông H về việc tranh chấp đất (BL 15). Như vậy, các đương sự chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất theo thửa, diện tích, thửa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, chứ không phải dựa và diện tích đo đạc thực tế. Ông H cho rằng khi ông N, bà T1 vào canh tác đất là ông ngăn cản là có căn cứ. Bởi lẽ, tại Biên bản hòa giải ngày 08 tháng 6 nặm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc (BL 18, 19), thể hiện ông H có đơn yêu cầu gởi UBND xã Khánh Bình Tây Bắc giải quyết ngày 04 tháng 5 năm 2022. Như vậy, ông N, bà T1 nhận chuyển nhượng của ông D2, bà D1 phần đất thửa 656, tờ bản đồ số 02 do bà D1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng lại vào sử dụng phần đất thửa

235, 246 tờ bản đồ số 2 do ông Nguyễn Chí H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng vị trí, thửa đất đã nhận chuyển nhượng.

[6] Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông D2, bà D1 với ông N, bà T1. Các đương sự không có yêu cầu trong vụ án này. Nếu có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H xác định thửa đất 656, tờ bản đồ số 2 mà bà D1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của ông D2, bà D1 cho ông H thuê từ trước đến nay. Ông D2, bà D1 có quyền sử dụng đối với phần đất thửa 656, tờ bản đồ số. Như vậy, kể từ khi bà D1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà D1 không có sử dụng đất mà bà D1 cho người khác thuê và người cuối cùng thuê đất là ông H. Khi bà D1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông N, bà T1 thì cũng chuyển nhượng trên số thửa, tờ bản đồ diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006 là thửa 656, tờ bản đồ số 2, diện tích 22.144 m^2. Do đó, bà T1, ông N vào sử dụng phần đất thửa 235, 246 do ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ. Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Buộc ông N, bà T1 trả cho ông H quyền sử dụng phần đất tranh chấp là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bà T1, ông N, ông D2, bà D1 và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau không được chấp nhận.

[8] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo ông Huỳnh Việt N, bà Nguyễn Thị Thuỳ, ông Nguyễn Chí D2, bà Nguyễn Thị D1. Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 86/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có điều chỉnh cách tuyên án để dễ thi hành án.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Việt N, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Chí D2, bà Nguyễn Thị D1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Việt N, bà Nguyễn Thị Thuỳ, ông Nguyễn Chí D2, bà Nguyễn Thị D1;

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí H.

Buộc ông Huỳnh Việt N, bà Nguyễn Thị T1 trả cho ông Nguyễn Chí H phần đất tranh chấp diện tích 25.247,1m^2, thuộc thửa số 4 và một phần diện tích thửa số 5, cụ thể như sau:

Thửa số 4: Diện tích 24.872,9m^2, có vị trí: Đông cạnh M9M10, dài 49,20m; Tây cạnh M11M12, dài 52,89m; Nam cạnh M10M11, dài 492,43m; Bắc cạnh M12M9, dài 495,5m.

Một phần thửa số 5: Diện tích 374,2m^2 có vị trí: Đông cạnh M11M12, dài 52,89m; Tây cạnh M11'M12', dài 52,44m; Nam cạnh M11'M11, dài 8,70m; Bắc cạnh M12'M12, dài 5,48m.

(Kèm theo Bản trích đo hiện trạng ngày 06/03/2023 của Công ty TNHH Phát triển xanh Việt Nam).

Buộc ông Huỳnh Việt N và bà Nguyễn Thị T1 trả cho ông Nguyễn Chí H chi phí thẩm định, đo đạc là 25.182.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong khoản tiền phải thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th và ông Huỳnh Văn Nước phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (chưa nộp). Ông Nguyễn Chí H không phải chịu án phí.

Về án phí phúc thẩm: Ông Huỳnh Việt N, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Chí D2, bà Nguyễn Thị D1, mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 06/4/2023, ông N, bà Th, ông D2, bà D1, mỗi người có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo các biên lai số 0006515, 0006516, 0006513, 0006514 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được chuyển thu, đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;*
- *Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Trung